

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2024

Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Dân

Ông Phan Tùng Long

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thuỷ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2024 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh ngày: 05/9/1992, nơi thường trú: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Số F, N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Người đại diện theo uỷ quyền của chị Đào Thị T: Ông Lê Việt D, bà Nguyễn Thị Hồng T1, bà Võ Thị H, đều có địa chỉ: Số F N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt

- Bị đơn: Anh Lê Phúc N, sinh ngày: 06/5/1991, nơi thường trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

- Người thân thích của anh Lê Phúc N: Bà Lê Thị C, sinh năm: 1954, anh Lê Phúc H1, sinh năm: 1979 đều thường trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Lê Phúc N: Ông Võ Quốc H2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H (Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng số 314/QĐ-TGPL ngày 25/7/2024), có mặt tại phiên toà.

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện L: Công chức văn hoá – xã hội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Đào Thị T cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu, yêu đương, chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N đã đăng ký kết hôn ngày 25/3/2014, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh theo đăng ký số: 18, quyển số 01/2014. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc tại tổ B, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Năm 2015, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sức khoẻ anh N giảm sút, biểu hiện bất thường về tâm lý dẫn đến bất đồng quan điểm, không tin tưởng và thiếu sự tôn trọng giữa vợ chồng. Chị Đào Thị T cùng con đã sinh sống ở nơi khác. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đào Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N có 01 con chung tên là Lê Thị Trà M, sinh ngày: 12/01/2015. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Đào Thị T uỷ quyền cho ông Lê Việt D, bà Nguyễn Thị Hồng T1, bà Võ Thị H, đều có địa chỉ: Số F N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có văn bản đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt và từ chối hoà giải.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn, tình trạng hôn nhân và các vấn đề liên quan đến anh Lê Phúc N. Ban cán sự thôn B, xã T, Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cung cấp tài liệu, chứng cứ và trình bày: Anh Lê Phúc N là công dân đang sinh sống tại địa phương, đăng ký kết hôn với chị Đào Thị T năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Anh N là đối tượng

được chi trả chế độ trợ giúp xã hội thuộc diện đối tượng khuyết tật, dạng khuyết tật: Thần kinh, tâm thần, mức độ khuyết tật: Nặng, mức hưởng trợ giúp xã hội: 540.000đ/tháng theo Quyết định 8062/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L. Theo tóm tắt hồ sơ bệnh án của Bệnh viện T2 – Sở Y chẩn đoán lúc vào viện: F25 – Rối loạn phân liệt cảm xúc; chẩn đoán lúc ra viện – F20.3 – Tâm thần phân liệt thể không biệt định; tình trạng người bệnh ra viện: Tâm thần rối loạn mạn tính, tiếp tục điều trị dự phòng tại cộng đồng. Về nội dung khởi kiện của chị Đào Thị T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện người thân thích của anh Lê Phúc N là anh Lê Phúc H1 (anh trai anh N) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời điểm sống chung đúng như nội dung chị T trình bày tại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn đến năm 2015, anh N là người khoẻ mạnh, tâm thần hoàn toàn bình thường. Trong quá trình sống chung với chị T, sức khoẻ anh N bắt đầu có dấu hiệu bất ổn, phải điều trị bệnh trầm cảm trong thời gian dài. Chị T không có trách nhiệm cũng như tình nghĩa vợ chồng để cùng gia đình chữa bệnh cho chồng mà bỏ đi cùng con gái từ năm 2015. Nay chị T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn trong khi anh N không tự mình lao động kiếm sống, đang điều trị bệnh tâm thần, cần người chăm sóc là không phù hợp với đạo lý của người Việt Nam. Về nội dung chị T khởi kiện, anh N không thể tự mình trình bày ý kiến tại Toà án, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình đã được thông báo làm việc và hướng dẫn các thủ tục liên quan để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho anh N. Bà Lê Thị C - mẹ của anh N do sức khoẻ yếu, đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H, tai nghe không rõ nên anh Lê Phúc H1 là anh trai anh N làm người đại diện cho anh N và đề nghị Toà án mời Trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh N, đồng thời anh H1 đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Gia đình không yêu cầu Toà án trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với anh N vì chị T khởi kiện thì chị phải tự thực hiện các vấn đề liên quan.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Về tình trạng sức khoẻ hiện nay của anh Lê Phúc N đã được Toà án thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, đủ cơ sở khẳng định anh N đang điều trị bệnh tâm thần và hưởng chế độ bảo trợ xã hội. Là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn, mong muốn chị Đào Thị T suy nghĩ, cân nhắc việc rút đơn khởi kiện để chăm sóc anh N đến khi bệnh tình anh ổn định trở lại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã làm việc với chị Đào Thị T và đến nay chị T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Đối chiếu với các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, tuyên xử chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N ly hôn; về con chung đề nghị giao con chung cho chị Đào Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi vì sức

khỏe của anh N không đảm bảo việc chăm sóc con chung; về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Toà án giải quyết. Thống nhất với ý kiến của anh Lê Phúc H1 về việc không yêu cầu Toà án giám định pháp y tâm thần cho anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T, tuyên xử chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N ly hôn; về con chung: Giao con chung Lê Thị Trà M, sinh ngày: 12/01/2015 cho chị Đào Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét. Về án phí, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn – anh Lê Phúc N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Tại đơn khởi kiện, chị Đào Thị T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Do đó, Toà án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đối với việc ly hôn, đương sự không được uỷ quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng...*”. Quá trình giải quyết vụ án, chị T nhiều lần không có mặt làm việc theo thông báo của Toà án là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự dẫn đến vụ án kéo dài, gây trở ngại trong việc Toà án thu thập tài liệu, chứng cứ.

[1.4] Chị Đào Thị T có văn bản đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án ban hành Thông báo số 08/2024/TB-TA ngày 29/7/2024 về vụ án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.5] Toà án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ; thu thập, xác minh, tài liệu chứng cứ và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

là tuân thủ quy định tại Điều 95, 96, 98, khoản 2, khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và có căn cứ để xác định anh Lê Phúc N đang là đối tượng được hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo Quyết định 8062/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L (dạng khuyết tật: Thần kinh, tâm thần, mức độ khuyết tật: Nặng). Toà án tiến hành làm việc với bà Lê Thị C và anh Lê Phúc H1 là người thân thích của anh Lê Phúc N, gia đình đã thống nhất cử anh Lê Phúc H1 là người đại diện cho anh N trong quá trình giải quyết vụ án và từ chối giám định pháp y tâm thần. Do đó, trên cơ sở đơn yêu cầu của anh Lê Phúc H1, Toà án đã cử người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Lê Phúc N theo quy định.

[1.7] *Tại khoản 6 mục IV Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Toà án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ quy định: “Khi có chủ thể cho rằng một người là đương sự trong vụ án mất năng lực hành vi dân sự thì Tòa án phải giải thích, hướng dẫn để họ thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự theo quy định ...; trường hợp họ có yêu cầu và Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu này thì Tòa án áp dụng điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; trường hợp họ không yêu cầu thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục chung”.* Do đó, Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N hôn nhân tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 25/3/2014, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Theo trình bày của chị Đào Thị T, mâu thuẫn phát sinh trong quá trình vợ chồng sống chung và trở nên trầm trọng từ năm 2015 khi anh N điều trị bệnh trầm cảm. Chị T đã chăm sóc, lo lắng chữa bệnh cho anh N một thời gian nhưng anh N cũng như gia đình ngày càng tạo ra nhiều mâu thuẫn. Do áp lực, chị T cùng con đi vào Đồng Nai sinh sống, làm việc. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện anh N bị bệnh tâm thần nên không thể mang đến cho chị đời sống hôn nhân hạnh phúc, xây dựng tổ ấm gia đình đúng nghĩa, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

[2.1.3] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn mong muốn chị T cân nhắc, xem xét tình nghĩa vợ chồng để đoàn tụ chăm sóc, giúp đỡ anh

N điều trị bệnh tật. Đối chiếu quy định của pháp luật đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của chị Đào Thị T.

[2.1.4] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ... nhưng hôn nhân của chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.1.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51);

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Ly hôn theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng*”.

[2.1.6] Xét thấy, từ năm 2015 mặc dù anh N đang trong quá trình điều trị bệnh trầm cảm, tâm thần nhưng chị T cùng con đã đi sinh sống, làm việc ở nơi khác, bỏ mặc và không còn sự quan tâm, chăm sóc anh N; vợ chồng ly thân trong một thời gian dài. Đủ cơ sở để khẳng định, tình cảm vợ chồng giữa chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau; mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy giải quyết cho vợ chồng ly hôn như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo Đơn khởi kiện, lời khai của chị Đào Thị T và người đại diện cho anh N cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì anh Lê Phúc N và chị Đào Thị T có 01 con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày: 12/01/2015. Hiện nay, sức khỏe, tâm thần của anh N không đảm bảo để chăm sóc con chung, một thời gian dài không gần bó, thân thiết với con; cháu Lê Thị Trà M trình bày bằng văn bản thể hiện nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ; chị T yêu cầu Tòa án giao cho chị quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung; người đại diện cho anh Lê Phúc N

không tranh chấp về quyền nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ nhỏ đến nay cháu M được chị T trực tiếp trông nom, giáo dục, nuôi dưỡng tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho cháu M cần giao quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Thị Trà M, sinh ngày: 12/01/2015 cho chị Đào Thị T là phù hợp, đúng quy định tại điểm a, c, d, đ, g khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đào Thị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị T và người đại diện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Lê Phúc N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 39, khoản 3 Điều 136 Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T. Xử chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N ly hôn.

- Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Lê Phúc N có 01 con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày: 12/01/2015. Giao quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Đào Thị T đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Đào Thị T phải chịu

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Đào Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai số 0012360 ngày 29/01/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn; bị đơn, người đại diện cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn; bị đơn, người đại diện cho bị đơn; có mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Lộc Hà;
- Chi cục THADS huyện Lộc Hà;
- UBND xã Thạch Châu;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Nữ Ngọc Diệp

